TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***
Số: **276**/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 29 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 21/4/2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2025 về việc "Ly hôn và yêu cầu xác nhận không phải cha con".

XÉT THẤY

[1] Chị Nguyễn Thu T và anh Trần Thành D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H (Số 1** quyển số **/2006, ngày 06/12/2006). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 21/4/2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thu T**, sinh năm 1985

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: 1** tổ ** L** T**** B, phường T, quận H, Thành phố H.

- Bị đơn: **Anh Trần Thành D**, sinh năm 1982

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: Số * ngõ **/** P** V***, phường Đ, quận H, Thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thu T và anh Trần Thành D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh chị có có 01 con chung là Trần Anh T, sinh 26/01/2007.

Cháu T đã trưởng thành, anh D, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- *Về tài sản và nhà ở chung:* Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- *Về công nợ chung:* Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- *Về việc xác nhận không phải cha con:* Xác nhận anh Trần Thành D không phải là cha đẻ của cháu Hoàng Minh N, sinh 20/10/2014 (theo kết luận phân tích ADN số 57**.*.VCJ/25/AND ngày 04/3/2025 của Công ty Cổ phần công nghệ Y tế Vietcare) và cháu Nguyễn Nghĩa T, sinh 06/6/2020 (theo kết luận phân tích ADN số 57**.*.VCJ/25/AND ngày 04/3/2025 của Công ty Cổ phần công nghệ Y tế Vietcare).

Xác định cháu Hoàng Minh N, sinh ngày 20/10/2014 (theo Giấy chứng sinh số 8* quyển số 1** ngày 20/10/2014 của Bệnh viện P) và cháu Nguyễn Nghĩa T, sinh ngày 28/10/2020 (theo Giấy chứng sinh số 1*** quyển số 1*/2020 ngày 28/10/2020 của Bệnh viện T) là con riêng của chị Nguyễn Thu T.

Chị Nguyễn Thu T có quyền, nghĩa vụ tiến hành đăng ký khai sinh cho cháu Hoàng Minh N và cháu Nguyễn Nghĩa T tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

+ Các đương sự không phải chịu án phí về việc yêu cầu xác nhận không phải cha con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

+ Án phí ly hôn: Các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định. Chị Nguyễn Thu T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0024*** ngày 03/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Chị Nguyễn Thu T tự nguyện nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hiển V